

Bản án số: 16/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 10 – 4 - 2019

V/v: Tranh chấp ly hôn

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thọ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Việt Quốc
2. Ông Châu Văn Bằng

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Cẩm T sinh năm: 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Dương Văn Đ sinh năm: 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Hậu Giang

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn xin ly hôn ngày 16/7/2018, quá trình tố tụng và tại tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Cẩm T trình bày:*

Chị và anh Dương Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012 nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh, chị chung sống với nhau được thời gian ngắn thì anh Đ đi làm ăn xa và đã có vợ khác nên anh, chị chính thức ly thân nhau từ đó cho đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung Dương Tú T, sinh ngày 13/4/2013. Từ khi sinh ra cho đến nay cháu T do chị T nuôi dưỡng.

Nay chị yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh Đ, yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Dương Văn Đ đã được Tòa án thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nhưng đều vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Dương Văn Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng để đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Cẩm T và anh Dương Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2012 nhưng không có đi đăng ký kết hôn theo quy định nên về mặt pháp luật không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị T xin ly hôn với anh Đ, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị T và anh Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 01 con chung Dương Tú T, sinh ngày 13/4/2013, xét thấy từ khi sinh cháu T cho đến nay do chị T nuôi dưỡng, cháu đã ổn định cuộc sống, mến chân, mến tay với mẹ. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án anh Đ đều vắng mặt và cũng không có bất cứ ý kiến, nguyện vọng được nuôi cháu T nên cần tiếp tục giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp, anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh Đ không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Cẩm T và anh Dương Văn Đ là vợ chồng

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Cẩm T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Tú T sinh ngày 13/4/2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho anh Đ không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Cẩm T phải nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0017902 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TANDT. Hậu Giang;
- VKS nhân dân huyện C;
- THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Lê Thị Thọ**